TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MÔ - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 84/2019/QĐST-HNGĐ	*Yên Mô, ngày 26 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 102/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019, giữa:

- **Nguyên đơn: Anh Vũ Văn Tr**, sinh năm: 1982

- **Bị đơn: Chị Hoàng Thị Út L**, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Xóm 3 ĐS, xã YM, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Văn Tr và chị Hoàng Thị Út L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Vũ Văn Tr và chị Hoàng Thị Út L xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Vũ Hoàng Vương L1, sinh ngày 10/12/2010 và cháu Vũ Hoàng A, sinh ngày 27/12/2013. Anh Tr và chị L thống nhất thỏa thuận việc nuôi con khi vợ chồng ly hôn như sau: Anh Tr sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L1; chị L sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hoàng A cho đến khi các cháu thành niên.

Anh Vũ Văn Tr và chị Hoàng Thị Út L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

2.2. Về tài sản chung và công nợ: Anh Vũ Văn Tr và chị Hoàng Thị Út L thống nhất tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và công nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Văn Tr và chị Hoàng Thị Út L thống nhất thỏa thuận để anh Vũ Văn Tr nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Số tiền án phí anh Vũ Văn Tr phải nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002179 ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô, anh Vũ Văn Tr còn được hoàn lại 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã Yên Mạc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
PHẠM DIỆU OANH
(ĐÃ KÝ)

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).